**Mẫu tham khảo số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trang 1 *(Page 1)*** | *Mẫu số (Form No): Ký hiệu (Reference No): Số (No):…....* |

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIÊM TỜ KHAI HOÀN THUẾ  
(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)**

……..ngày....tháng……năm….*(…..day .... month .... year....)*

|  |
| --- |
| **PHẦN A (do cửa hàng ghi)**  ***PART A (completed by retailer)*** |
| **1. Thông tin về doanh nghiệp *(Company’s information)*** |
| a. Tên đơn vị bán hàng *(Name of retailer)*: .....................................................................  b. Mã số thuế *(Tax code)*: ............................................................................................  c. Địa chỉ *(Address)*:..................................................................................................... |
| **2. Thông tin về khách hàng *(Tourist's information)*** |
| a. Họ và tên *(Full name)*: ..............................................................................................  b. Số hộ chiếu *(Passport number)/*Giấy tờ nhập xuất cảnh *(Entry or exit documents)*:........  Ngày cấp hộ chiếu *(Date of issue)/*Giấy tờ nhập xuất cảnh *(Entry or exit documents)*: ......  Ngày hết hạn hộ chiếu *(Date of expiry)*/Giấy tờ nhập xuất cảnh *(Entry or exit documents)*: ……  c. Quốc tịch *(Nationality)*:.............................................................................................. |
| **3. Thông tin về hàng hóa *(Commodities’ information)*** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT *(No)* | Tên hàng hóa *(Name of goods)*  *(1)* | Đơn vị tính *(Unit of measure ment)* | Số lượng *(Quatity)* | Đơn giá *(Unit price)* | Thuế suất *(Tax rate)* | Thành tiền chưa có thuế GTGT  *(Amount excluding VAT)* | Tiền thuế GTGT *(VAT)* | Thành tiền có thuế GTGT *(Amount including VAT)* |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 = 4 x 5 | 8 = 6 x 7 | 9 = 7 + 8 |
| 1 | A |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | B |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | C |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT *(Total excluding VAT)*:                              …………………… | | | | | | | | |
| Tổng số tiền thuế GTGT *(Total VAT)*:                                                     ……………………. | | | | | | | | |
| Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment):                                          ………………………* | | | | | | | | |
| Số tiền viết bằng chữ *(Total payment by word)*:                                     ……………………… | | | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| Người nước ngoài mua hàng *(Tourist)* (Ký, ghi rõ họ tên) *(Signature and full name)* | Đại diện đơn vị bán hàng *(Seller)*  (Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên) *(Signature, stamp (if applicable) and full name)* |

**Trang 1/2** ***(page 1/2)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Ghi chú:** (1) bao gồm nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), xuất xứ hàng hóa áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử.  **Note:** (1) including trademarks and markings (products' serial, model numbers (if available), origin for imported goods, or engine number for electro-mechanical goods | |
| **Trang 2 *(page 2)*** | *Mẫu số (Form No): Ký kiệu (Reference No): Số (No):…......* |

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIÊM TỜ KHAI HOÀN THUẾ  
(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)**

...ngày....tháng……năm…...*(……day.... month .... year....)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin quan trọng cho người nước ngoài (Important notice to tourists)** | | | | |
| - Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính để được hoàn thuế giá trị gia tăng;  *(Tourists must fulfill all the conditions specified in Circular No 72/2014/TT-BTC dated 30/5/2014; Circular No 92/TT-BTC dated 31/12/2019 amending, supplementing the Circular No 72/2014/TT-BTC by the Minister of Finance to be eligible for VAT refund)*  - Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn); *(Tourists must claim for VAT refund within 60 days from the date of purchase (from the date of issuing invoice)*  - Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/ đường biển tại sân bay quốc tế/ cảng biển quốc tế. *(Tourists shall claim for VAT refund when deparfaring from International Airport/ International Seaport)* | | | | |
| **Phần B (Dành cho cơ quan hải quan) *(Part B (completed by customs)*)** | | | | |
| Ghi kết quả kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, tính số thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn *(Examination results of VAT refund invoice and declaration, goods; calculation of VAT amount refunded to tourist)* | | | | |
| - Kết quả kiểm tra hàng hóa, tính số thuế GTGT được hoàn *(Result of goods examination, calculation of VAT refund amount):* | | | | |
| STT (*No)* | Tên hàng *(Name of goods)* | Số lượng *(Quantity)* | Số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế *(VAT amount declared in VAT refund invoice and declaration)* | Số tiền thuế GTGT được hoàn theo công thức quy định tại Điều 12 Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính *(VAT amount refunded to tourist using the formula stated in Article 12 of the Circular 72/2014/TT-BTC of the Minister of Finance)* |
| 1 | A |  |  |  |
| 2 | B |  |  |  |
| 3 | C |  |  |  |
| … | … |  |  |  |
| **Tổng cộng *(Total)*** |  |  |  |  |
| ………ngày………..tháng…….năm ...... *(...day … month… year …)* Người kiểm tra *(Examination officer)* (Ký, đóng dấu công chức, ghi rõ họ tên) *(Signature, stamp and full name)* | | | | |
| **PHẦN C (Dành cho ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế) *Part C (completed by commercial bank approved as VAT refund agent)*** | | | | |
| - Số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh: *(Date and number of the Flight/Ship of the tourist)*  - Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh: *(VAT amount refunded for the tourist)*  - Hình thức thanh toán *(Payment methods):*  + Tiền mặt *(Cash)* □  + Qua thẻ quốc tế *(Via international card)* □  ++ Số thẻ (6 số đầu và 4 số cuối của thẻ)  Card number *(first six and last four digits of a card)*  ++ Tên thẻ: *(Cardholder name)*  ...... ngày... tháng....năm...... *(…..day….month…..year....)* *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)* | | | | |

**Mẫu tham khảo số 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | |  |  |   **HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TÍCH HỢP BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ**  Ngày ….. tháng ….năm …. Ký hiệu:  Số:  **PHẦN I: HÓA ĐƠN GTGT**  Tên người bán:  Mã số thuế:  Địa chỉ: | | | | | | | |
| Điện thoại: Số tài khoản | | | | | | | |
| Tên người mua:  Mã số thuế:  Địa chỉ | | | | | | | |
| Hình thức thanh toán: Số tài khoản: Đồng tiền thanh toán:VNĐ | | | | | | | |
| **STT** | **Tên hàng hóa, dịch vụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| 1 | 2 | 3 | | 4 | | 5 | 6= 4\*5 |
|  |  |  | |  | |  |  |
|  |  |  | |  | |  |  |
|  |  |  | |  | |  |  |
|  |  |  | |  | |  |  |
|  |  |  | |  | |  |  |
| Thành tiền chưa có thuế GTGT: | | | | | | | |
| Thuế suất giá trị gia tăng: % Tiền thuế giá trị gia tăng: | | | | | | | |
| Tổng tiền thanh toán:  Số tiền bằng chữ: | | | | | | | |
| **PHẦN II: BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ** Mẫu số:  Ký hiệu:  Số:  Tên đơn vị thu:  Mã số thuế:  Địa chỉ:  Tên của tổ chức hoặc người nộp tiền:  Mã số thuế:  Địa chỉ: | | | | | | | |
| Căn cứ thông báo nộp thuế của:  ……………………………….  Số…..ngày…..tháng…..năm  Nội dung thu | | | Số thuế phải nộp theo thông báo  Tổng số thuế phải nộp:   * Thuế GTGT: * Thuế TNCN * Thuế TTĐB: * Thuế Tài nguyên * Phí BCMT: * Thuế BVMT: | | | | |
| **TÊN BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ** Mẫu số:  Ký hiệu:  Số: | | | | | | | |
| Tên đơn vị thu:  Mã số thuế:  Địa chỉ:  Tên của tổ chức hoặc người nộp tiền:  Mã số thuế:  Địa chỉ:  Tên loại phí, lệ phí:  Số tiền:  (Bằng chữ): | | | | | | | |
| **NGƯỜI MUA HÀNG**  *(Chữ ký số (nếu có))* | | |  | | **NGƯỜI BÁN HÀNG**  *(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)* | | |
| *(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)* | | | | | | | |

**Mẫu tham khảo số 3**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | |  |  |   **HÓA ĐƠN BÁN HÀNG TÍCH HỢP BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ**  Ngày ….. tháng ….năm …. Ký hiệu:  Số:  **PHẦN I: HÓA ĐƠN BÁN HÀNG**  Tên người bán:  Mã số thuế:  Địa chỉ: | | | | | | | |
| Điện thoại: Số tài khoản | | | | | | | |
| Tên người mua:  Mã số thuế:  Địa chỉ | | | | | | | |
| Hình thức thanh toán: Số tài khoản: Đồng tiền thanh toán:VNĐ | | | | | | | |
| **STT** | **Tên hàng hóa, dịch vụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| 1 | 2 | 3 | | 4 | | 5 | 6= 4\*5 |
|  |  |  | |  | |  |  |
|  |  |  | |  | |  |  |
|  |  |  | |  | |  |  |
|  |  |  | |  | |  |  |
|  |  |  | |  | |  |  |
|  | | | | | | | |
|  | | | | | | | |
| Tổng tiền thanh toán:  Số tiền bằng chữ: | | | | | | | |
| **PHẦN II: BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ** Mẫu số:  Ký hiệu:  Số:  Tên đơn vị thu:  Mã số thuế:  Địa chỉ:  Tên của tổ chức hoặc người nộp tiền:  Mã số thuế:  Địa chỉ: | | | | | | | |
| Căn cứ thông báo nộp thuế của:  ……………………………….  Số…..ngày…..tháng…..năm  Nội dung thu | | | Số thuế phải nộp theo thông báo  Tổng số thuế phải nộp:   * Thuế GTGT: * Thuế TNCN * Thuế TTĐB: * Thuế Tài nguyên * Phí BCMT: * Thuế BVMT: | | | | |
| **TÊN BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ** Mẫu số:  Ký hiệu:  Số: | | | | | | | |
| Tên đơn vị thu:  Mã số thuế:  Địa chỉ:  Tên của tổ chức hoặc người nộp tiền:  Mã số thuế:  Địa chỉ:  Tên loại phí, lệ phí:  Số tiền:  (Bằng chữ): | | | | | | | |
| **NGƯỜI MUA HÀNG**  *(Chữ ký số (nếu có))* | | |  | | **NGƯỜI BÁN HÀNG**  *(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)* | | |
| *(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)* | | | | | | | |

**Mẫu tham khảo số 4**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | |  | Mẫu số (Form number): |   **HÓA ĐƠN THƯƠNG MẠI** Ký hiệu (Reference number): (Commercial Invoice) Số Invoice number):      Ngày………tháng………năm 20......  (Date…..month…..year…..)  Tên người bán (The Seller name):  Mã số thuế (Tax code):  Địa chỉ (Address): | | | | | | | | |
| Điện thoại (Phone number): Số tài khoản (Bank account): | | | | | | | | |
| Tên người mua (The Buyer name):  Mã số thuế(Tax code): | | | | | | | | |
| Địa chỉ(Address):  Số tài khoản (Bank account): (Đồng tiền thanh toán) Curency | | | | | | | | |
| **STT**  **(No)** | | **Tên hàng hóa, dịch vụ**  **(Description)** | **Đơn vị tính**  **(Unit)** | | **Số lượng**  **(Q’ty)** | **Đơn giá**  **(Unit Price)** | | **Thành tiền**  **(Amount)** |
| 1 | | 2 | 3 | | 4 | 5 | | 6=4x5 |
|  | |  |  | |  |  | |  |
|  | |  |  | |  |  | |  |
|  | |  |  | |  |  | |  |
|  | |  |  | |  |  | |  |
|  | |  |  | |  |  | |  |
|  | |  |  | |  |  | |  |
|  | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| Tổng cộng tiền thanh toán (Total amount):  Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): | | | | | | | | |
|  |  | | |  | | | | |
|  | **NGƯỜI MUA HÀNG**  **(THE BUYER)** | | |  | | **NGƯỜI BÁN HÀNG**  **(THE SELLER)** | | |
|  | *(Ký, ghi rõ họ, tên)*  *(Name, Signature)* | | |  | | (Chữ ký số)  *(E- Signature)* | | |
|  |  | | |  | |  | | |
|  |  | | |  | |  |  | |
|  | | | | | | | | |

## Mẫu tham khảo số 5

## BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ CỦA CƠ QUAN THUẾ

## SỬ DỤNG KHI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ CỦA CÁ NHÂN

(*Ban hành kèm theo Thông tư số ...../2025/TT-BTC*

*ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| BỘ TÀI CHÍNH **CỤC THUẾ**  Cơ quan thu: | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÃ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ** *(Liên 1: Báo soát)* | | Mẫu: **CTT50**  *(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2025/TT-BTC ngày tháng năm 2025 của Bộ Tài chính )*  Ký hiệu:  Số: | |
| Người nộp thuế:  Mã số thuế:  Địa chỉ: | | | | |
| Căn cứ thông báo nộp thuế của:  Số:... ngày... tháng ... năm…  Nội dung thu: | | Số thuế phải nộp theo thông báo  Tổng số thuế phải nộp:  - Thuế GTGT:  - Thuế TNCN:  - Thuế TTĐB:  - Thuế Tài nguyên:  - Phí BVMT:  - Thuế BVMT: | |
| Số thuế nộp kỳ này:  Số thuế nợ kỳ trước (nếu có):  Tổng cộng số thuế nộp: | |  | |
| Số tiền bằng chữ:  *…., ngày..... tháng.... năm …....*  **NGƯỜI VIẾT BIÊN LAI NGƯỜI THU TIỀN NGƯỜI NỘP THUẾ**  *(Ký, ghi rõ họ, tên) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Ký, ghi rõ họ, tên)* | | | | |

*Chú ý:*

*- Liên 1: Báo soát*

*- Liên 2: Giao người nộp thuế*

*- Liên 3: Lưu*

*Trường hợp Biên lai điện tử thì không cần liên.*

**Mẫu tham khảo số 6**

|  |
| --- |
| Mẫu số:  **BIÊN LAI THU PHÍ, LỆ PHÍ ĐIỆN TỬ k**ý hiệu:  Số:  Ngày tháng năm    Tên tổ chức thu:  Mã số thuế:  Địa chỉ: |
| Điện thoại: Số tài khoản: |
| Tên người nộp:  Mã số thuế:  Địa chỉ:  Số tài khoản: |
| Số tiền: ……………………………………………………………………...  (Viết bằng chữ): …………………………………………………………….  Hình thức thanh toán: |
| **Tổ chức thu tiền**  (Chữ ký số) |